

Bản án số: 19/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 26 – 4 - 2019

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thọ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Châu Văn Bằng
2. Ông Nguyễn Văn Trương

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/01/2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mộng Th, sinh năm: 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Chí T                      sinh năm: 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn xin ly hôn ngày 11/12/2018, quá trình tố tụng và tại tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng Th trình bày:*

Chị và anh Trần Chí T tự nguyện tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh, chị chung sống với nhau đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống và anh T đánh chị nhiều lần. Anh, chị ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Về con chung: Có hai con chung Trần Ngọc Q, sinh năm 1990 và Trần Thị M, sinh năm 1993 đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Nay chị Th xin được ly hôn với anh Trần Chí T

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Chí T đã được Tòa án thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nhưng đều vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Chí T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng. Căn cứ vào điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng Th và anh Trần Chí T tự nguyện tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1990. Mặc dù đã chung sống với nhau thời gian dài và anh chị có đầy đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng vẫn không đi đăng ký kết hôn nên về mặt pháp luật không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị Th xin ly hôn với anh T, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị Th và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có hai con Chung Trần Ngọc Q, sinh năm 1990 và Trần Thị M, sinh năm 1993 đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Mộng Th và anh Trần Chí T là vợ chồng

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mộng Th phải nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0018004 ngày 30/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Chị Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND T. Hậu Giang;
- VKS nhân dân H. C;
- THA H. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Lê Thị Thọ**